

Số: 481 /NMĐTB2-KTATMT

Thái Bình, ngày 12 tháng 3 năm 2025

V/v cung cấp báo giá dịch vụ hiệu chỉnh lò hơi
và các hàm điều khiển chính hệ thống DCS -
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Kính gửi: Các Nhà cung cấp.

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu triển khai thuê dịch vụ hiệu chỉnh lò hơi các hàm điều khiển chính hệ thống DCS để ổn định và tối ưu hóa hệ thống khi chuyển đổi chủng loại than mới. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ này cho các Nhà máy nhiệt điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho dịch vụ nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc:
 - ✓ Phạm vi công việc hiệu chỉnh như đính kèm;
 - ✓ Bảng cam kết thông số vận hành sau khi hiệu chỉnh như đính kèm.
- Tiến độ cung cấp: Do Nhà cung cấp đề xuất.
- Địa điểm: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: trước 9h ngày 21/03/2025.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Ông Lê Hải Long, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0933003737; Email: longlh@pvpqb.vn; hungbb@pvpqb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- CNPĐ DK (để b/c);
- GĐ NM (để b/c);
- Phòng: KHTC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (L.H.L: 2 b).

Đính kèm:

- Phụ lục 01. Phạm vi công việc
- Phụ lục 02. Bảng cam kết thông số vận hành

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chung

Xã Mỹ Lộc - huyện Thái Thụy - tỉnh Thái Bình

ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



PHỤ LỤC 01 - PHẠM VI CÔNG VIỆC
“Thuê dịch vụ hiệu chỉnh lò hơi và các hàm điều khiển hệ thống DCS - NMNĐ Thái Bình 2”
(Đính kèm văn bản số 481 /NMNĐTB2-KTATMT ngày 12/03/2025)

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
I	Khảo sát, đánh giá hiện trạng			
1	Khảo sát đánh giá hiện trạng đốt than mới của Nhà máy ảnh hưởng tới chế độ cháy của lò hơi, tình trạng hoạt động của thiết bị chính và các thiết bị truyền động chuẩn bị cho công việc hiệu chỉnh lò hơi	2	Tổ máy	
2	Lập báo cáo đánh giá hiện trạng trước hiệu chỉnh.	2	Tổ máy	
3	Chuẩn bị tài liệu, quy trình, lập kế hoạch và lịch trình để hiệu chỉnh lò hơi và các hàm điều khiển DCS.	2	Tổ máy	
II	Hiệu chỉnh lò hơi (Combustion tuning)			
1	Hiệu chỉnh quá trình đốt cháy của lò hơi (Combustion tuning)	2	Tổ máy	
2	Hướng dẫn, đào tạo tổ Quản lý hiệu năng của Nhà máy thực hiện các hoạt động hiệu chỉnh lò hơi (Combustion tuning)	2	Tổ máy	
3	Lập báo cáo quá trình hiệu chỉnh lò hơi	2	Tổ máy	
III	Hiệu chỉnh các hàm điều khiển hệ thống DCS (Loop control tuning) đảm bảo thông số vận hành như bảng đính kèm.			
1	Main steam pressure Control and Coordinate mode Control	2	vòng điều khiển	
2	Boiler Master Control	2	vòng điều khiển	
3	Turbine Master Control	2	vòng điều khiển	
4	Furnace Pressure Control	2	vòng điều khiển	
5	SA Flow Control	2	vòng điều khiển	
6	SA Duct Pressure Control	2	vòng điều khiển	
7	PA Duct Pressure Control	2	vòng điều khiển	
8	Drum Level Control	2	vòng điều khiển	
9	Oxygen Trim Control	2	vòng điều khiển	
10	SH Spray Water Control	8	vòng điều khiển	
11	RH Spray Water Control	4	vòng điều khiển	
12	Mill Master Control	2	vòng điều khiển	
13	Mill PA Flow Control	12	vòng điều khiển	
14	Mill PA Bypass Damper Control	12	vòng điều khiển	
15	Mill Outlet Temperature Control	12	vòng điều khiển	
16	Mill Level Control	12	vòng điều khiển	
17	HP Heater Level Control	6	vòng điều khiển	
18	LP Heater Level Control	8	vòng điều khiển	
19	DA Level Control	2	vòng điều khiển	
20	Condenser Level Control	2	vòng điều khiển	
21	FWP Flow Control	4	vòng điều khiển	
22	Other BOP Controls	2	vòng điều khiển	
23	Lập báo cáo quá trình hiệu chỉnh hàm điều khiển DCS (Loop control tuning) và khuyến cáo vận hành.	2	Tổ máy	



PHỤ LỤC 02 - BẢNG CAM KẾT THÔNG SỐ VẬN HÀNH SAU KHI THỰC HIỆN
“Thuê dịch vụ hiệu chỉnh lò hơi và các hàm điều khiển hệ thống DCS NMNĐ Thái Bình 2”
Đính kèm văn bản số 481 /NMĐTB2-KTATMT ngày 12/03/2025

No.	Control Name	Unit	Stable Operation Max Deviation	Load change Max Deviation
1	Unit active power	MW	±4	±10
2	Furnace Pressure	Pa	±100	±200
3	Main steam pressure	Mpa	±0.5	±1
4	Main steam temperature	°C	±10	±15
5	RH steam temperature	°C	±15	±25
6	Drum Level	mm	±50	±80
7	DA Level	mm	±30	±50
8	Condenser Level	%	±2	±3
9	Total Fuel	kg/s	±5	±8
10	Total SA flow	kg/s	±50	±100
11	Oxygen content (averaged)	%	±1	±2
12	PA duct pressure	kPa	±0.3	±0.5
13	Mill A PA flow (total)	kg/s	±1	±2
14	Mill B PA flow (total)	kg/s	±1	±2
15	Mill C PA flow (total)	kg/s	±1	±2
16	Mill D PA flow (total)	kg/s	±1	±2
17	Mill E PA flow (total)	kg/s	±1	±2
18	Mill F PA flow (total)	kg/s	±1	±2
19	Mill A outlet temperature	°C	±3	±5
20	Mill B outlet temperature	°C	±3	±5
21	Mill C outlet temperature	°C	±3	±5
22	Mill D outlet temperature	°C	±3	±5
23	Mill E outlet temperature	°C	±3	±5
24	Mill F outlet temperature	°C	±3	±5
25	Mill A level	Pa	±100	±150
26	Mill B level	Pa	±100	±150
27	Mill C level	Pa	±100	±150
28	Mill D level	Pa	±100	±150
29	Mill E level	Pa	±100	±150
30	Mill F level	Pa	±100	±150
31	HPH1 level	mm	±30	±40
32	HPH2 level	mm	±30	±40
33	HPH3 level	mm	±30	±40
34	HPH5 level	mm	±30	±40
35	HPH6 level	mm	±25	±50
36	HPH7 level	mm	±25	±50
37	HPH8 level	mm	±25	±50

